

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 01 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Văn Toại

2. Bà Hoàng Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025, về việc “tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị V, sinh năm 1988. Căn cước công dân số: 0201188003495, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Anh Dương Công H, sinh năm 1987. Căn cước công dân số: 020087003461. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Dương Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị V và anh Dương Công H được tự do tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 22/12/2008 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Tháng 04/2025, chị Dương Thị V đi làm công ty và không về chung sống với anh Dương Công H được 03 tháng, anh Dương Công H có đến xin lỗi và hai người tiếp tục sống chung. Tuy nhiên, anh Dương Công H không thay đổi tính ghen tuông nên chị đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn) xin ly hôn với anh Dương Công H. Trong thời gian giải quyết anh Dương Công H lên Tòa án xin lỗi nên chị đã rút đơn khởi kiện để về đoàn tụ gia đình. Sau đó hai vợ chồng tiếp tục đi làm công nhân và ở cùng nhau. Tuy nhiên, đến cuối tháng 08/2025, hai vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên chị Dương Thị V đã bỏ công ty về và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dương Công H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Dương Công N, sinh ngày 04/9/2006 và cháu Dương Trung T, sinh ngày 28/3/2009. Cháu Dương Công N đã trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Dương Trung T, sinh ngày 28/3/2009, chị Dương Thị V không nhận quyền nuôi con. Yêu cầu anh Dương Công H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Trung T đến khi đủ 18 tuổi và không cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung do chị hiện nay không có tài sản riêng, đi làm tự do, cháu Dương Trung T đã bỏ học đi làm thuê tự lo được cho bản thân.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung vợ chồng: Không có. Và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên không có văn bản thể hiện quan điểm của bị đơn.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt bị đơn.

Tòa án đã đi xác minh trực tiếp nhưng không lấy được lời khai của cháu Dương Trung T do cháu Dương Trung T đi làm thuê không ở địa phương, không biết địa chỉ nơi làm việc.

Bổ ruột của anh Dương Công H cho biết chị Dương Thị V và anh Dương Công H kết hôn hợp pháp, tháng 01/2025 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tháng 5/2025 chị V làm đơn khởi kiện ly hôn, sau đó chị V đã rút đơn khởi kiện và từ đó đến nay chỉ về gia đình 01 lần để lấy quần áo. Hai người sống ly thân từ tháng 4/2025 đến nay. Cháu Dương Trung T đã bỏ học từ năm lớp 9 và đi làm công nhân được 02 năm, còn làm ở đâu ông không biết. Xác nhận anh

H có nhà, ruộng, vườn và đi làm công nhân thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Xác nhận đã được nhận và thông báo các văn bản tố tụng cho anh Dương Công H.

Tại biên bản xác minh do ông Hoàng Văn N1 – Trưởng thôn Bản Đ cho biết việc hai vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì ông không được biết. Nhưng từ tháng 8/2025 chị Dương Thị V có về gia đình và lấy quần áo và các đồ dùng cá nhân đi hết và từ đó không về gia đình. Xác nhận anh Dương Công H có nhà, vườn, ruộng và cháu Dương Trung T đã đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh được 02 năm, thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình.

UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn xác nhận chị Dương Thị V và anh Dương Công Hải đăng K kết hôn số 53 ngày 22/12/2008.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị V, xử cho chị Dương Thị V được ly hôn với anh Dương Công H; Về con chung: Con chung Dương Công N, sinh năm 2006 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Giao người con chung là Dương Trung T, sinh ngày 28/3/2009 cho anh Dương Công H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành), Chị Dương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: không xem xét giải quyết. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, bị đơn cư trú tại thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng

dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Kết quả xác minh, lấy lời khai người làm chứng đều thể hiện bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn và vẫn có liên lạc bằng điện thoại. Các văn bản tố tụng của Tòa án ông Dương Công L là bố của bị đơn đã nhận thay và thông báo cho bị đơn. Quá trình giải quyết đã tổng đạt đầy đủ, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ cho bị đơn theo quy định. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1 do vắng mặt bị đơn, đã tổng đạt đầy đủ văn bản. Nguyên đơn có văn bản trình bày quan điểm và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị V và anh Dương Công H được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp, đúng pháp luật. Thời điểm sống ly thân, phù hợp với biên bản xác minh và xác nhận của trưởng thôn. Quá trình chung sống vợ chồng chị Dương Thị V đã làm đơn khởi kiện ly hôn và sau đó rút đơn theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn để về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, sau đó hai vợ chồng tiếp tục sống ly thân. Qua trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được thông báo nội dung vụ án nhưng không tham gia tố tụng để trình bày quan điểm thể hiện việc không còn tình cảm vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa chị Dương Thị V và anh Dương Văn H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Dương Thị V được ly hôn với anh Dương Văn H1.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn về con chung nhưng bị đơn không có văn bản trình bày quan điểm. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là Dương Công N, sinh ngày 04/9/2006 và Dương Trung T, sinh ngày 28/3/2009. Đối với người con chung Dương Công N đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với con chung chưa thành niên là Dương Trung T, Tòa án đã tiến hành xác minh trực tiếp nhưng không lấy được lời khai do cháu Dương Trung T đã bỏ học và đi làm thuê, không có mặt tại địa phương. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Dương Trung T thực tế vẫn đang sinh sống cùng anh Dương Công H. Anh Dương Công H có nhà, ruộng, vườn đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung, quá trình chăm sóc con chung chính quyền địa phương không nhận được phản án tiêu cực về việc nuôi con. Chị Dương Thị V không có tài sản riêng, không có nơi ở ổn định. Do đó, mặc dù không có lời khai thể hiện quan điểm

của con chung, tuy nhiên để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Căn cứ vào hoàn cảnh sống, điều kiện sinh hoạt, việc giao con chung Dương Trung T cho anh Dương Công H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, có căn cứ. Nên căn cứ vào Điều 81 luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Dương Trung T cho anh Dương Công H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bị đơn là người được giao quyền chăm sóc con chung Dương Trung T không có văn bản trình bày quan điểm. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi cần thiết bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác đối với tranh chấp cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị V xác định quá trình chung sống không có nợ chung vợ chồng, tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn không có văn bản trình bày quan điểm đối với các nội dung này. Để đảm bảo quyền lợi của đương sự trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[8] Về án phí: Chị Dương Thị V là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Dương Thị V.

[9] Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[10] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Dương Thị V được ly hôn với anh Dương Công H.

2. Về con chung: Có 02 người con chung là Dương Công N, sinh ngày 04/9/2006 và Dương Trung T, sinh ngày 28/3/2009.

Con chung Dương Công N, sinh ngày 04/9/2006 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét.

Giao con chung Dương Trung T, sinh ngày 28/3/2009 cho anh Dương Công H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành). Chị Dương Thị V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Dương Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- UBND xã Vũ Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Nam Toàn